

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
97 PHẠM HỮU CHÍ PHƯỜNG 12 QUẬN 5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2018



NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	31/12/2017
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134,272,938,123	197,919,788,468
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15,668,333,437	50,360,540,017
1. Tiền	111		4,168,333,437	18,660,540,017
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,500,000,000	31,700,000,000
3. Tiền đang chuyển				
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	62,644,164,384	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		62,644,164,384	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32,088,765,633	123,101,316,053
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	24,887,566,008	112,385,056,009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4,967,901,789	9,107,224,611
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4,218,389,372	3,594,126,969
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,985,091,536)	(1,985,091,536)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	15,939,333,366	20,068,590,750
Hàng tồn kho	141		15,939,333,366	20,068,590,750
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		7,932,341,303	4,389,341,648
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2,066,853,097	3,289,786,145
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,210,180,538	1,099,555,503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.0	655,307,668	-
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		279,805,908,998	284,129,949,136
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		5,000,000	7,901,515
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5,000,000	7,901,515
II . Tài sản cố định	220		215,602,830,688	215,821,215,714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	215,060,379,515	215,164,353,136
Nguyên giá	222		711,066,558,978	679,798,003,772
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(496,006,179,463)	(464,633,650,636)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	542,451,173	656,862,578
Nguyên giá	228		4,978,186,666	4,651,186,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,435,735,493)	(3,994,324,088)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	8,697,922,776	12,468,282,925
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8,697,922,776	12,468,282,925
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250		8,330,000	8,330,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8,330,000	8,330,000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		55,491,825,534	55,824,218,982
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	55,491,825,534	55,824,218,982
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414,078,847,121	482,049,737,604

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	31/12/2017
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		217,928,394,268	273,321,677,654
I . Nợ ngắn hạn	310		180,182,959,058	249,574,374,664
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	137,063,925,123	153,361,303,772
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.0a	5,910,256,865	4,334,289,690
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.0	8,747,891,554	15,384,220,961
Phải trả người lao động	314		6,469,289,997	17,554,600,887
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.0a	4,743,449,107	39,515,227,083
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.0	15,252,384,159	15,483,856,213
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.0		1,788,212,721
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.0a	1,995,762,253	2,152,663,337
II . Nợ dài hạn	330		37,745,435,210	23,747,302,990
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	19,064,101,788	18,845,260,211
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	16,761,338,627	3,711,736,608
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.15	1,919,994,795	1,190,306,171
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		196,150,452,853	208,728,059,950
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.16	196,150,452,853	208,728,059,950
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130,000,000,000	130,000,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130,000,000,000</i>	<i>130,000,000,000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63,849,723,527	63,113,094,929
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2,300,729,326	15,614,965,021
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>			<i>1,341,752,120</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>2,300,729,326</i>	<i>14,273,212,901</i>
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414,078,847,121	482,049,737,604

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2018


 NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng



 HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ 9 THÁNG	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		259,347,211,376	230,051,982,321	744,850,156,281	735,727,054,058
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		116,399,811	106,499,103	380,391,039	217,714,729
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	259,230,811,565	229,945,483,218	744,469,765,242	735,509,339,329
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	240,303,231,718	227,980,537,878	703,650,755,525	712,147,673,967
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18,927,579,847	1,964,945,340	40,819,009,717	23,361,665,362
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	48,528,706	255,454,620	639,866,310	542,629,218
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	404,190,161	187,172,285	744,651,580	604,859,510
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		404,190,161	187,172,285	744,651,580	604,859,510
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3,954,928,620	2,966,216,908	11,933,284,904	9,486,673,157
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7,826,786,925	6,902,775,609	26,282,137,714	24,632,371,632
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,790,202,847	(7,835,764,842)	2,498,801,829	(10,819,609,719)
11. Thu nhập khác	31		275,904,801	550,967,347	1,356,125,352	1,711,488,483
12. Chi phí khác	32		127,999,176	237,405,351	111,753,412	111,571,445
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	147,905,625	313,561,996	1,244,371,940	1,599,917,038
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6,938,108,472	(7,522,202,846)	3,743,173,769	(9,219,692,681)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	712,755,819	-	712,755,819	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	729,688,624	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,225,352,653	(7,522,202,846)	2,300,729,326	(9,219,692,681)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	479	(579)	177	(709)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	479	(579)		(709)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2018


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng

3



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018


MẤU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng 2018	9 tháng 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3,743,173,769	(9,219,692,681)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		34,153,960,453	33,195,535,640
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(693,268,235)	(542,629,218)
- Chi phí lãi vay	06		744,651,580	604,859,510
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37,948,517,567	24,038,073,251
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		86,166,081,732	(12,384,078,654)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4,129,257,384	51,651,758,473
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(56,861,149,283)	57,258,694,127
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,555,326,496	(82,506,389,571)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(744,651,580)	(604,859,510)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,520,826,326)	(3,178,813,252)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		113,590,000	193,234,127
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6,048,827,507)	(5,433,278,401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62,737,318,483	29,034,340,590
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(41,500,526,633)	(27,559,345,512)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		73,650,822	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(62,644,164,384)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		723,303,810	576,212,551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(103,347,736,385)	(26,983,132,961)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		16,761,338,627	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,788,212,721)	(1,733,451,772)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,054,914,584)	(4,393,335,257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5,918,211,322	(6,126,787,029)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(34,692,206,580)	(4,075,579,400)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50,360,540,017	45,735,185,677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	15,668,333,437,800	41,659,606,277

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2018


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


QUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

MẪU B 09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 6 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 5 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu.

• **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, Tp. HCM	300.000	3.000.000.000	2,31
2	Ngân hàng TMCP Đông Á	130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	276.652	2.766.520.000	2,13
3	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	33 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM	300.500	3.005.000.000	2,31
4	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	01 Công Trường Quốc Tế, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM	6.630.400	66.304.000.000	51,00
	Các cổ đông khác		5.492.448	54.924.480.000	42,25
	Cộng		13.000.000	130.000.000.000	100,00

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-028) 3 855 2354
Fax : (84-028) 3 955 0424
Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 452 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 448 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 thuộc kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 - 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ) hoặc chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và các chi phí khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.
- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% .

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tiền mặt	10.243.545	17.995.993
Tiền gửi ngân hàng	4.158.089.892	18.642.544.024
Các khoản tương đương tiền (i)	11.500.000.000	31.700.000.000
Cộng	<u>15.668.333.437</u>	<u>50.360.540.017</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn với lãi suất 4,1%/ năm (năm 2017: 5%/ năm).

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>30/09/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	62.644.164.384	62.644.164.384		
Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng Ngân hàng TMCP Sài Gòn (*)	62.644.164.384	62.644.164.384	-	-
Cộng	<u>62.644.164.384</u>	<u>62.644.164.384</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn với lãi suất 7,1% /năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>30/09/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	15.033.976.649	104.486.986.997
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	7.724.867.129	5.067.404.991
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	2.128.722.230	2.830.664.021
Cộng	<u>24.887.566.008</u>	<u>112.385.056.009</u>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	15.033.976.649	104.486.986.997
<i>Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch</i>	-	304.812.619
Cộng	<u>15.033.976.649</u>	<u>104.791.799.616</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	734.715.075	2.196.000.000
Công ty TNHH MTV Hưng Đại Việt	-	1.238.991.723
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.021.211.847	1.614.682.386
Công Ty TNHH XĐBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	-	810.821.820
Cty CP ĐT TM DV KT Tín Nghĩa	462.562.165	455.960.465
Công ty TNHH MTV BÁ ĐỨC	2.132.117.814	1.702.000.000
Công Ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	176.086.107	446.849.460
Các khách hàng khác	441.208.781	641.918.757
Cộng	<u>4.967.901.789</u>	<u>9.107.224.611</u>

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước</i>	176.086.107	446.849.460
Cộng	<u>176.086.107</u>	<u>446.849.460</u>

5. Phải thu khác

	<u>30/09/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	4.218.389.372	-	3.594.126.969	-
Phải thu khác là bên liên quan	2.872.765.106	-	2.987.027.416	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.872.765.106	-	2.987.027.416	-
Phải thu khác	1.345.624.266	-	607.099.553	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	950.394.239	-	184.938.868	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	83.437.500	-
Phải thu khác	325.985.027	-	239.917.185	-
Tạm ứng	69.245.000	-	98.806.000	-
b) Phải thu dài hạn khác	5.000.000	-	7.901.515	-
Ký quỹ dài hạn	5.000.000	-	7.901.515	-
Cộng	<u>4.223.389.372</u>	-	<u>3.602.028.484</u>	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	30/09/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>4.402.234.575</i>	<i>2.417.143.039</i>	<i>1.985.091.536</i>	<i>4.402.234.575</i>	<i>2.417.143.039</i>	<i>1.985.091.536</i>
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước, dịch vụ khác	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536
Cộng	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ, xây dựng.... hay các khoản phải thu khác... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán. như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản. hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	30/09/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.811.552.121	-	13.608.878.562	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.245	-	6.459.712.188	-
Cộng	15.939.333.366	-	20.068.590.750	-

8. Chi phí trả trước

	30/09/2018	31/12/2017
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.066.853.097	3.289.786.145
Công cụ dụng cụ	1.346.853.097	2.497.786.145
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	720.000.000	792.000.000
b) Chi phí trả trước dài hạn	55.491.825.534	55.824.218.982
Chi phí sửa chữa văn phòng	148.248.992	186.159.069
Gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	40.375.119.254	39.484.914.311
Thay đồng hồ nước	6.667.459.396	9.400.948.072
Chi phí cải tạo ống mục	833.154.407	235.999.151
Lắp đặt màn sáo	22.647.681	51.766.134
Chi phí cải tạo ống mục phục vụ CTTN	5.633.879.055	2.947.263.633
Công cụ dụng cụ	53.282.934	106.565.871
Phần mềm ARCGIS	1.494.371.563	2.988.743.128
Xây dựng nhà kho vật tư	263.662.252	421.859.613
Cộng	57.558.678.631	59.114.005.127

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2018	29.000.000.000	936.718.486	632.169.320.477	17.691.964.809	679.798.003.772
Tăng trong năm	216.148.586	67.990.000	34.174.872.165	937.041.875	35.396.052.626
Mua trong năm	-	67.990.000	-	937.041.875	1.005.031.875
Đầu tư XD/CB hoàn thành	216.148.586	-	34.174.872.165	-	34.391.102.751
Giảm trong năm	-	-	4.127.497.420	-	4.127.497.420
Thanh lý, nhượng bán	-	-	432.984.526	-	432.984.526
Quyết toán lại	-	-	1.767.228.302	-	1.767.228.302
Sửa chữa, tu bổ	-	-	1.927.284.592	-	1.927.284.592
30/09/2018	29.216.148.586	1.004.708.486	662.216.695.222	18.629.006.684	711.066.558.978
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2018	1.159.999.997	847.677.646	450.817.590.258	11.808.382.735	464.633.650.636
Tăng trong năm	438.226.115	30.028.051	31.198.697.280	2.045.597.602	33.712.549.048
Khấu hao trong năm	438.226.115	30.028.051	31.198.697.280	2.045.597.602	33.712.549.048
Giảm trong năm	-	-	2.340.020.221	-	2.340.020.221
Thanh lý, nhượng bán	-	-	412.735.629	-	412.735.629
Sửa chữa, tu bổ	-	-	1.927.284.592	-	1.927.284.592
30/09/2018	1.598.226.112	877.705.695	479.676.267.316	13.853.980.340	496.006.179.463
Giá trị còn lại					
01/01/2018	27.840.000.003	89.040.840	181.351.730.219	5.883.582.074	215.164.353.136
30/09/2018	27.617.922.474	127.002.791	182.540.427.906	4.775.026.344	215.060.379.515

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
01/01/2018	-	742.166.486	260.664.393.820	4.538.556.430	265.945.116.736
30/09/2018	-	801.366.486	267.989.282.473	7.923.099.400	276.713.748.359

10. Tài sản cố định vô hình

	01/01/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2018
<i>Phần mềm máy tính</i>				
Nguyên giá	4.651.186.666	327.000.000	-	4.978.186.666
Hao mòn lũy kế	(3.994.324.088)	(441.411.405)	-	(4.435.735.493)
Giá trị còn lại	656.862.578	(114.411.405)		542.451.173

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/09/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Công trình di dời đường ống	3.262.545.543	3.332.960.847
Công trình chống thất thoát nước	986.897.046	3.033.189.793
Công trình cải tạo ống mục	2	350.541.982
Công trình ống cái	1.256.098.418	1.769.079.945
Phát triển mạng lưới	3.192.381.767	3.982.510.358
Cộng	<u>8.697.922.776</u>	<u>12.468.282.925</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>30/09/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	131.890.910.379	131.890.910.379	145.615.297.241	145.615.297.241
Công ty CPĐT XD & TM Thái Bình Dương	74.106.992	74.106.992	74.106.992	74.106.992
Công ty Cổ Phần Xây dựng số 5 Cty TNHH Đan Vĩ	-	-	2.909.598.399	2.909.598.399
Cty CPĐT XD Kỷ Nguyên	16.493.437	16.493.437	16.493.437	16.493.437
Công ty QL CTGT Sài Gòn	1.678.878.316	1.678.878.316	901.542.711	901.542.711
Nhà cung cấp khác	572.315.082	572.315.082	572.315.082	572.315.082
	2.831.220.917	2.831.220.917	3.271.949.910	3.271.949.910
Cộng	<u>137,063,925,123</u>	<u>137,063,925,123</u>	<u>153.361.303.772</u>	<u>153.361.303.772</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>30/09/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	131.890.910.379	145.615.297.241
Cộng	<u>131.890.910.379</u>	<u>145.615.297.241</u>

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Truy thu tiền thất thoát nước	1.371.279.721	440.121.156
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	177.393.390	148.687.998
Tiền nước chưa giải trách	4.273.217.738	3.594.594.439
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	19.367.000	19.367.000
Các khách hàng khác	68.999.016	131.519.097
Cộng	<u>5.910.256.865</u>	<u>4.334.289.690</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	30/09/2018
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	-			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.187.313.163	712.755.819	3.520.826.326	(620.757.344)
Thuế thu nhập cá nhân	360.675.024	2.569.659.908	2.964.885.256	(34.550.324)
Tiền thuê đất	4.250.995.800	7.078.856.000	11.329.851.800	-
Các loại thuế khác	-			-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.585.236.974			-
- Phí bảo vệ môi trường	8.585.236.974	69.424.317.646	69.261.663.066	8.747.891.554
Cộng	15.384.220.961	79.788.589.373	87.080.226.448	8.092.583.886

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			(1.368.063.487)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.384.220.961			8.747.891.554

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- Cung cấp nước : 5%.
- Cung cấp dịch vụ : 10%.

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8.

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/09/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán	773.422.951	10.679.095.194
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	3.970.026.156	28.442.618.322
Trích trước chi phí gắn ống cái		349.189.056
Trích trước chênh lệch giá si nước sạch		-
Trích trước chi phí thuê tài sản		-
Chi phí khác		44.324.511
Cộng	<u>4.743.449.107</u>	<u>39.515.227.083</u>

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	15.252.384.159	15.483.856.213
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.109.095.468	7.109.095.468
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	110.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	63.736.426	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	6.054.002.310	5.158.604.073
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	262.468.074	239.749.986
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.161.318.735	1.116.233.319
Các khoản phải trả khác	531.763.146	1.740.786.229
b) Phải trả dài hạn khác	19.064.101.788	18.845.260.211
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	19.064.101.788	18.845.260.211
Cộng	<u>34.316.485.947</u>	<u>34.329.116.424</u>

Phải trả khác là các bên liên quan

<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	<i>7.109.095.468</i>	<i>7.109.095.468</i>
<i>Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công Chánh</i>	<i>70.000.000</i>	<i>110.000.000</i>
Cộng	<u>7.179.095.468</u>	<u>7.219.095.468</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ tài chính**

	01/01/2018				30/09/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ ngắn hạn	1.788.212.721	1.788.212.721	-	1.788.212.721	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn [1]	1.788.212.721	1.788.212.721	-	1.788.212.721		
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.711.736.608	3.711.736.608	16.761.338.627	3.711.736.608	16.761.338.627	16.761.338.627
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn [1]	3.711.736.608	3.711.736.608	-	3.711.736.608		
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn [2]	-	-	16.761.338.627		16.761.338.627	16.761.338.627
Cộng	5.499.949.329	5.499.949.329	16.761.338.627	5.499.949.329	16.761.338.627	16.761.338.627

Thuyết minh chi tiết vay và nợ theo từng đối tượng:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/09/2018
Trong vòng 1 năm	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	10.995.400.000
Sau 5 năm	5.765.938.627
	16.761.338.627
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-
Số phải trả sau 12 tháng	16.761.338.627

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>30/09/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan</i>		
<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	-	5.499.949.329
Cộng	-	5.499.949.329

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 30/6 hoặc 31/12
Năm 2017					
Quỹ khen thưởng	1.743.678.388	2.549.870.877	(2.455.143.608)	113.100.000	1.951.505.657
Quỹ phúc lợi	538.192.800	2.549.870.877	(2.985.547.250)	5.650.401	108.166.828
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-	678.594.669	(660.087.543)	74.483.726	92.990.852
Cộng	2.281.871.188	5.778.336.423	(6.100.778.401)	193.234.127	2.152.663.337
Năm 2018					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657	2.549.870.877	2.689.230.000	113.590.000	1.925.736.534
Quỹ phúc lợi	108.166.828	2.926.340.546	3.038.965.381		(4.458.007)
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	92.990.852	302.125.000	320.632.126		74.483.726
Cộng	2.152.663.337	5.778.336.423	6.048.827.507	113.590.000	1.995.762.253

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>Chi phí trả trước dài hạn</u>
01/01/2017	-
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.190.306.171
31/12/2017	1.190.306.171
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	729.688.624
30/09/2018	1.919.994.795

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
01/01/2017	130.000.000.000	57.386.667.692	21.946.515.780	209.333.183.472
Lãi trong năm trước	-	-	14.273.212.901	14.273.212.901
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	5.726.427.237	(5.726.427.237)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2017	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.021	208.728.059.950
01/01/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.021	208.728.059.950
Lỗ trong kỳ này	-	-	2.300.729.326	2.300.729.326
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	736.628.598	(736.628.598)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
30/09/2018	130.000.000.000	63.849.723.527	2.300.729.326	196.150.452.853

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số **0304797806** ngày 18 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vốn điều lệ của Công ty là 130.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 03 ngày 18/5/2018		30/09/2018	31/12/2017
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2.31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.766.520.000	2.13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2.31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51.00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42.25	54.924.480.000	54.924.480.000
Cộng	130.000.000.000	100.00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>30/09/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ. Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 như sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>
Chia cổ tức cho các cổ đông	9.100.000.000	9.100.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	736.628.598	5.726.427.237
Trích quỹ khen thưởng	2.549.870.877	2.549.870.877
Trích quỹ phúc lợi	2.926.340.546	2.549.870.877
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	302.125.000	678.594.669
Cộng	<u>15.614.965.021</u>	<u>20.604.763.660</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>
Doanh thu cung cấp nước	731.221.667.113	720.979.438.444
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.248.098.129	14.529.900.885
Cộng	<u>744.469.765.242</u>	<u>735.509.339.329</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	692.068.988.007	702.292.756.770
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.581.767.518	9.854.917.197
Cộng	<u>703.650.755.525</u>	<u>712.147.673.967</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	608.994.183	480.109.666
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	30.872.127	62.519.552
Cộng	639.866.310	542.629.218

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	744.651.580	604.859.510
Cộng	744.651.580	604.859.510

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	7.648.409.245	7.399.054.266
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.685.270.363	371.598.351
Chi phí khấu hao	692.937.595	639.361.288
Chi phí bằng tiền khác	1.906.667.701	1.076.659.252
Cộng	11.933.284.904	9.486.673.157

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	13.407.177.201	13.325.558.035
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.556.079.346	2.161.286.781
Chi phí khấu hao	2.925.235.122	2.904.568.922
Thuế, phí và lệ phí	149.607.205	499.915.957
Thuê đất	1.057.381.600	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.186.657.240	5.741.041.937
Cộng	26.282.137.714	24.632.371.632

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	1.356.125.352	1.711.488.483
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	7.272.728	70.000.007
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	563.325.365	1.557.762.671
Thanh lý TSCĐ	73.650.822	
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	6.336.000	24.249.000
Thu phí định mức nước, bồi thường di dời hệ thống cấp nước	559.712.674	
Thu nhập khác	145.827.763	59.476.805
Chi phí khác	111.753.412	111.571.445
Chi phí hồ sơ mời thầu	4.992.000	
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	80.107.986	30.523.180
Chi phí khác	26.653.426	81.048.265
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	1.244.371.940	1.599.917.038

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	3.743.173.769	(9.219.692.681)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	937.256.488	(15.432.363.115)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	2.805.917.281	6.212.670.434
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	21.334.079
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	21.334.079
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	21.334.079
Thu lao HĐQT không tham gia điều hành sản xuất kinh doanh	-	-
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	38%	40%
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	3.743.173.769	(9.198.358.602)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	358.789.350	(6.231.367.978)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	578.467.138	(9.179.661.058)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	2.805.917.281	6.212.670.434
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	5%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	712.755.819	-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009. Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008. Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.300.729.326	(9.219.692.681)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.300.729.326	(9.219.692.681)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	177	(709)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.300.729.326	(9.219.692.681)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.300.729.326	(9.219.692.681)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	2.300.729.326	(9.219.692.681)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	177	(709)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017
Chi phí nước sạch	553.729.256.867	546.661.357.808
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.224.943.130	10.981.067.043
Chi phí nhân công	68.840.368.654	67.282.283.184
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.153.960.453	33.195.535.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.417.575.828	48.357.213.063
Chi phí bằng tiền khác	40.500.073.211	39.789.262.018
Cộng	741.866.178.143	746.266.718.756

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017
Mua sắm/ xây dựng tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	1.645.749.156	-
Cổ tức phải trả	1.161.318.735	5.791.625.319

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong kỳ này	83.437.500	
Mua sắm/ xây dựng tài sản còn nợ năm trước đã thanh toán trong kỳ này	207.016.483	
Trả trước người bán mua sắm tài sản cố định		
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong kỳ này	1.116.233.319	4.393.335.257

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình Giao thông Công Chánh
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh		-
Cung cấp dịch vụ khác		
Mua nước sạch	553.729.256.867	546.661.357.808
Mua vật tư	1.545.393.000	11.236.402.040
Mua tài sản		5.201.461.725
Thuê tài sản hoạt động	36.059.522.711	42.616.171.126
Lãi vay phải trả	387.650.731	604.859.510
Phải trả tiền dịch vụ	3.500.000	118.600.000
Phải thu do chi hộ		170.399.990
Phải thu do cung cấp dịch vụ		1.512.664.514
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình	938.333.745	127.300.168

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	30/09/2018	31/12/2017
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	15.033.976.649	104.486.986.997
Phải thu các khoản chi hộ	2.872.765.106	2.987.027.416
Phải trả thương mại	(131.890.910.379)	(145.615.297.241)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công đồng hồ nước	(7.109.095.468)	(7.109.095.468)
Phải trả tiền vay	-	(5.499.949.329)
Công ty Công trình Giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(70.000.000)	(110.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình	176.086.107	446.849.460
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	304.676.838	304.812.619

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017
Tiền lương	1.908.000.000	1.333.844.960
Các khoản bảo hiểm phải trả	65.789.776	57.869.127
Cộng	1.973.789.776	1.391.714.087

2. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (Quận 5, Quận 6, Quận 8, Quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	30/09/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.668.333.437	15.668.333.437	50.360.540.017	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	62.652.494.384	62.652.494.384	8.330.000	8.330.000
Phải thu của khách hàng	22.902.474.472	22.902.474.472	112.385.056.009	110.399.964.473
Phải thu khác	2.877.765.106	2.877.765.106	3.078.366.431	3.078.366.431
Cộng	104.101.067.399	104.101.067.399	163.847.200.921	163.847.200.921
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	137.063.925.123	137.063.925.123	153.361.303.772	153.361.303.772
Chi phí phải trả	4.743.449.107	4.743.449.107	39.515.227.083	39.515.227.083
Phải trả khác	32.828.962.712	32.828.962.712	32.963.355.609	32.963.355.609
Các khoản vay	16.761.338.627	16.761.338.627	5.499.949.329	5.499.949.329
Cộng	191.397.675.569	191.397.675.569	231.339.835.793	231.339.835.793

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng....).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định hiện hành.

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/09/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.668.333.437	-	-	15.668.333.437
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	62.644.164.384	8.330.000	-	62.652.494.384
Phải thu của khách hàng	22.902.474.472	-	-	22.902.474.472
Phải thu khác	2.872.765.106	5.000.000	-	2.877.765.106
Cộng	104.087.737.399	13.330.000	-	104.101.067.399
Phải trả cho người bán	137.063.925.123	-	-	137.063.925.123
Chi phí phải trả	4.743.449.107	-	-	4.743.449.107
Phải trả khác	13.764.860.924	19.064.101.788	-	32.828.962.712
Các khoản vay	-	16.761.338.627	-	16.761.338.627
Cộng	155.572.235.154	35.825.440.415	-	191.397.675.569
Chênh lệch thanh khoản thuần	(51.484.497.755)	(35.812.110.415)	-	(87.296.608.170)
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.360.540.017	-	-	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	110.399.964.473	-	-	110.399.964.473
Phải thu khác	3.070.464.916	7.901.515	-	3.078.366.431
Cộng	163.830.969.406	16.231.515	-	163.847.200.921
Phải trả cho người bán	153.361.303.772	-	-	153.361.303.772
Chi phí phải trả	39.515.227.083	-	-	39.515.227.083
Phải trả khác	14.118.485.770	18.845.260.211	-	32.963.355.609

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay	1.788.212.721	3.711.736.608	-	5.499.949.329
Cộng	208.783.229.346	22.556.996.819	-	231.339.835.793
Chênh lệch thanh khoản thuần	(44.952.259.940)	(22.540.765.304)	-	(67.492.634.872)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2018



NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng



HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc



Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 9 tháng

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÍ III NĂM 2018

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 3 năm 2018 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 3 năm 2018 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng (nước)	252,894,712,609	226,089,011,590	26,805,701,019	111.86%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6,336,098,956	3,856,471,628	2,479,627,328	164.30%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	259,230,811,565	229,945,483,218	29,285,328,347	112.74%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng quý 3 năm 2018 tăng so với quý 3 năm 2017 là 29.285.328.347 đồng, tỷ lệ tăng 112,74% do:

Doanh thu nước quý 3 năm 2018 tăng so với quý 3/2017 là 26.805.701.019 đồng, tỷ lệ tăng 111,86% do

Sản lượng nước cung cấp quý 3 năm 2018 tăng so với quý 3 năm 2017 là 2.268.376 m³, tỷ lệ tăng 109,3% làm cho doanh thu tăng 21.314.417.021 đồng,

Giá bán bình quân quý 3 năm 2018 tăng so với quý 3 năm 2017 là 198 đồng/m³, tỷ lệ tăng 102,15% làm cho doanh thu tăng 4.820.549.382 đồng

Doanh thu truy thu quý 3/2018 là 2.484.922.990 đồng tăng cao hơn quý 3/2017 là 340.463.978 đồng, tỷ lệ tăng là 115,88%

Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 3 năm 2018 tăng so với quý 3 năm 2017 là 2.479.627.328 đồng, tỷ lệ tăng 164,30%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	236,880,340,743	223,811,358,696	13,068,982,047	105.84%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	3,422,890,975	4,169,179,181	(746,288,206)	82.10%
Cộng	240,303,231,718	227,980,537,877	12,322,693,841	105.41%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	199,072,641,386	167,766,248,553	31,306,392,833	118.66%
Chi phí nguyên vật liệu khác	829,447,768	1,070,870,894	(241,423,126)	77.46%
Chi phí nhân công	15,849,802,567	14,453,735,934	1,396,066,633	109.66%
Chi phí khấu hao tài sản	10,353,856,972	9,511,665,931	842,191,041	108.85%

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí thuê tài sản hoạt động	12,044,224,157	19,957,257,563	(7,913,033,406)	60.35%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	(4,123,968,888)	9,376,736,310	(13,500,705,198)	-43.98%
Chi phí chống thất thoát nước	1,367,032,957	571,288,142	795,744,815	239.29%
Chi phí cải tạo ống mục	353,440,290	235,999,148	117,441,142	149.76%
Chi phí sửa bể	752,425,087	497,641,301	254,783,786	151.20%
Chi phí khác	381,438,447	369,914,921	11,523,526	103.12%
Tổng chi phí sản xuất	236,880,340,743	223,811,358,696	13,068,982,046	105.84%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	
Giá vốn đã cung cấp	236,880,340,743	223,811,358,696	13,068,982,046	105.84%

b. Thuyết minh

Giá vốn hàng bán trong quý 3/2018 cao hơn so với quý 3/2017 là 12.322.693.841 đồng, tỷ lệ tăng 105,41% gồm:

Giá vốn cung cấp nước trong quý 3 năm 2018 so với quý 3 năm 2017 tăng 13.068.982.047 đồng, tỷ lệ tăng 105.84% do:

1. Giá vốn mua si nước sạch tăng 31.306.392.833 đồng do:

- Sản lượng nước mua si quý 3 năm 2018 tăng so với quý 3 năm 2017 là 5.568.426 m³ trong đó:

+ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn truy thu thêm khối lượng nước mua bán của đồng hồ tổng tại vị trí Hương Lộ

2-Quốc lộ 1A từ ngày 28/8/2017 đến kỳ 12/2017 là 750.556 m³, số tiền là 3.703.400.921 đồng.

+ Truy thu kỳ 1/2018 đến kỳ 5/2018 là 992.196 m³, số tiền là 4.993.613.326 đồng

+ Sản lượng quý 3/2018 cao hơn quý 3/2017 là 3.825.674 m³, số tiền là 19.254.196.418 đồng

- Giá mua si nước sạch tăng 98,68 đồng/m³, tỷ lệ tăng 102% làm cho chi phí mua si nước sạch tăng 3.355.182.168 đồng

2. Chi phí nguyên vật liệu khác giảm 241.423.126 đồng so với quý 3/2017, tỷ lệ giảm là 22,54%

3. Chi phí nhân công quý 3/2018 cao hơn quý 3/2017 là 1.396.066.633 đồng, tỷ lệ tăng 109,66% do năm 2018 hạch toán quỹ lương theo kế hoạch lương 2018 đã được thông qua Hội đồng quản trị còn quý 3/2017 hạch toán quỹ lương theo số thực tế phát sinh theo từng tháng.

4. Chi phí khấu hao tài sản cao hơn 9 tháng đầu năm 2017 là 842.191.041 đồng, tỷ lệ 108,85% do giá trị tài sản cố định để tính khấu hao tài sản quý 3/2018 cao hơn giá trị tài sản cố định của quý 3/2017.

5. Chi phí thuê tài sản hoạt động quý 3 năm 2018 giảm so với quý 3 năm 2017 là 7.913.033.406 đồng, tỷ lệ giảm 39,65% do quý 3/2017 hạch toán bổ sung chi phí thuê tài sản từ tháng 1 đến tháng 6/2017 số tiền là 8.814.669.718 đồng

6. Chi phí gắn và thay đồng hồ nước giảm 13.500.705.198 đồng so với quý 3/2017 do hoàn nhập chi phí trích trước gắn đồng hồ nước nhưng không chi hết và tài nhập kho chi phí gắn, thay đồng hồ nước của năm 2015 đến 2017, tỷ lệ giảm 143,98%

7. Ngoài ra các chi phí khác của quý 3 năm 2018 tăng so với quý 3 năm 2017 là:

Chi phí chống thất thoát nước tăng 795.744.815 đồng, tỷ lệ tăng 239,29%

Chi phí phục vụ công tác sửa bể tăng 254.783.786 đồng, tỷ lệ tăng 151,2%

Chi phí CTOM tăng 117.441.142 đồng, tỷ lệ tăng 149,76%

Do trong năm 2018 Công ty đã và đang tăng cường công tác chống thất thoát nước.



III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	2,561,514,325	2,251,220,175	310,294,150	113.78%
Chi phí công cụ dụng cụ	604,987,082	137,237,987	467,749,095	440.83%
Chi phí khấu hao	229,530,775	231,703,410	(2,172,635)	99.06%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	558,896,438	346,055,336	212,841,102	161.50%
Cộng	3,954,928,620	2,966,216,908	988,711,712	133.33%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 3 năm 2018 cao so với quý 3 năm 2017 là 988.711.712 đồng, tỷ lệ tăng là 133,33%.

1. Chi phí nhân viên tăng 310.294.150 đồng, tỷ lệ tăng 113,78% do năm 2018 hạch toán quỹ lương theo kế hoạch lương 2018 đã thông qua Hội đồng quản trị, quý 3/2017 hạch toán quỹ lương theo sổ thực tế phát sinh theo từng tháng.

2. Chi phí công cụ dụng cụ tăng 467.749.095 đồng, tỷ lệ tăng 440,83% do năm 2018 Công ty đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ công tác phát hành hóa đơn điện tử tiền nước và hóa đơn điện tử cung cấp dịch vụ.

3. Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác tăng 212.841.102 đồng, tỷ lệ 161,5%

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	4,148,712,651	3,895,291,448	253,421,203	106.51%
Chi phí công cụ dụng cụ	850,849,754	314,598,750	536,251,004	270.46%
Chi phí khấu hao	959,470,918	980,380,319	(20,909,401)	97.87%
Thuế, phí chuyển tiền	43,905,435	49,351,563	(5,446,128)	88.96%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	1,823,848,167	1,663,153,529	160,694,638	109.66%
Cộng	7,826,786,925	6,902,775,609	924,011,316	113.39%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 3 năm 2018 tăng so với quý 3 năm 2017 là 924.011.316 đồng, tỷ lệ tăng 113,39% do:

1. Chi phí nhân công tăng: 253.421.203 đồng, tỷ lệ tăng 106,51% do năm 2018 hạch toán quỹ lương theo kế hoạch lương 2018 đã thông qua Hội đồng quản trị, quý 3/2017 hạch toán quỹ lương theo sổ thực tế phát sinh theo từng tháng.

2. Chi phí công cụ dụng cụ tăng 536.251.004 đồng, tỷ lệ tăng 270,46% do quý 3/2018 phân bổ phần mềm Arcgis số tiền là 498.123.855 đồng trong khi quý 3/2017 không có phát sinh chi phí này.

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	39,202,800	240,093,033	(200,890,233)	16.33%
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9,325,906	15,361,587	(6,035,681)	60.71%
Cộng	48,528,706	255,454,620	(206,925,914)	19.00%

947978
ÔNG T
PH
P NU
HỘ L
TP.HC

b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng quý 3 năm 2018 giảm so với quý 3 năm 2017 là 206.925.914 đồng, tỷ lệ giảm 119% do quý 3 năm 2018 lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn thấp hơn so với quý 3/2017.

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi vay	404,190,161	187,172,285	217,017,876	215.95%
Cộng	404,190,161	187,172,285	217,017,876	215.95%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính quý 3 năm 2018 tăng so với quý 3 năm 2017 là 217.017.876 đồng, tỷ lệ tăng 215.95% do quý 3 năm 2018, số dư nợ gốc cao hơn so với quý 3 năm 2017 (năm 2018 Công ty vay của Ngân hàng NN&PTNT số tiền 16.761.338.627 đồng).

VII. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	3,636,364	3,635,684	680	100.02%
Thu tiền KH đầu tư ổng cái	236,102,113	504,239,840	(268,137,727)	46.82%
Thu khác	36,166,324	43,091,823	(6,925,499)	83.93%
Cộng	275,904,801	550,967,347	(275,062,546)	50.08%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 3/2018 giảm so với quý 3/2017 là 275.062.546 đồng, tỷ lệ giảm 49.92% chủ yếu do khoản thu nhập từ khách hàng đầu tư ổng cái không hoàn vốn giảm 268.137.727 đồng, tỷ lệ giảm 53,18%.

IX. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Đăng báo mời thầu	4,992,000		4,992,000	100%
Chi phí ổng cái do KH đầu tư không hoàn vốn	102,758,071	151,834,766	(49,076,695)	67.68%
Khác	20,249,105	85,570,585	(65,321,480)	23.66%
Cộng	127,999,176	237,405,351	(109,406,175)	53.92%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 3/2018 biến động không đáng kể so với quý 3/2017.

IX. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	6,938,108,472	(7,522,202,845)	14,460,311,317	-92.24%
Thuế TNDN	712,755,819		712,755,819	100.00%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	6,225,352,653	(7,522,202,845)	13,747,555,498	-82.76%



b. *Thuyết minh:*

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 3/2018 là 6.225.352.653đ, cao hơn lợi nhuận của quý 3/2017 là 13.747.555.498 đồng.


Quận 5, ngày 18 tháng 10 năm 2018

LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ KIM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

